

BỘ 10 ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN SINH 10 NĂM 2021-2021

1. Đề cương ôn tập giữa HK1 Sinh 10

A. Nội dung kiến thức ôn tập

Phần 1: Giới thiệu chung về thế giới sống

1. Các cấp độ tổ chức của thế giới sống và đặc điểm chung của các cấp tổ chức sống

- Các cấp tổ chức của thế giới sống

- Học thuyết tế bào

- Đặc điểm chung của các cấp tổ chức sống: nguyên tắc thứ bậc; hệ thống mở và tự điều chỉnh; thế giới sống liên tục tiến hóa

2. Các giới sinh vật

- Giới và hệ thống phân loại 5 giới: Khởi sinh, Nguyên sinh, Nấm, Thực vật, Động vật

- Đặc điểm chính của mỗi giới (đại diện, đặc điểm, vai trò)

Phần 2: Sinh học tế bào

Thành phần hóa học của tế bào

- Các nguyên tố hóa học: đại lượng, vi lượng

- Nước và vai trò của nước: cấu trúc, đặc tính lý hóa, vai trò

- Các đại phân tử cấu trúc tế bào: Cacbohidrat, Lipit, Protein, Axitnucleic (ADN, ARN)

B. Luyện tập

I. Một số câu hỏi tự luận gợi ý

Câu 1. Tính chất cơ bản để phân biệt cơ thể sống với chất vô cơ là gì? Tại sao nói tế bào là đơn vị cấu trúc cơ bản nhất của sự sống?

Câu 2. Nêu ví dụ về đặc tính nổi trội của các cấp tổ chức sống và khả năng tự điều chỉnh của cơ thể người? Trong một khu rừng có những cấp tổ chức sống nào? Hãy nêu mối quan hệ của các cấp tổ chức đó?

Câu 3. Tại sao khi tìm kiếm sự sống trên các hành tinh khác trước hết người ta phải tìm kiếm xem có nước không? Trình bày cấu trúc hóa học và vai trò của nước trong tế bào? Vì sao nói tính phân cực của nước quyết định các tính chất còn lại?

Câu 4. Dựa vào đặc tính của nước, em hãy giải thích các hiện tượng sau:

- Muốn bảo quản rau, củ, quả được lâu thì để trong ngăn mát tủ lạnh chứ không để vào ngăn đá
- Khi người đang ra mồ hôi mà ngồi trước quạt, ta lại cảm thấy mát lạnh.

Câu 5. Nêu cấu trúc và chức năng của các loại cacbohidrat?

Câu 6. Mô tả cấu trúc của protein? Tại sao phải ăn protein từ nhiều nguồn thực phẩm khác nhau?

Câu 7. Mô tả cấu trúc hóa học và cấu trúc không gian của ADN, ARN? Tại sao cũng chỉ có 4 loại nucleotit nhưng các sinh vật khác nhau lại có những đặc điểm và kích thước rất khác nhau?

Câu 8. Các dạng bài tập liên quan đến Axit nucleic: Tính chiều dài, số nuclotit, liên kết hóa trị, liên kết hidro.

II. Một số dạng câu hỏi trắc nghiệm minh họa

Câu 1: Sinh vật thuộc giới nào sau đây có đặc điểm cấu tạo tế bào khác hẳn các giới khác?

- | | |
|---------------------|-------------------|
| A. Giới Nấm | B. Giới Khởi sinh |
| C. Giới Nguyên sinh | D. Giới Thực vật |

Câu 2: Điểm giống nhau của các sinh vật thuộc giới Nguyên Sinh, giới Thực vật, giới Động vật là:

- | | |
|-------------------|----------------------|
| A. Tế bào nhân sơ | B. Cấu tạo đơn bào |
| C. Cấu tạo đa bào | D. Tế bào nhân chuẩn |

Câu 3: Thế giới sinh vật được phân thành các nhóm theo trình tự là

- Loài → chi → bộ → họ → lớp → ngành → giới
- Loài → chi → họ → bộ → lớp → ngành → giới
- Loài → chi → lớp → họ → bộ → ngành → giới
- Chi → họ → bộ → lớp → ngành → giới → loài

Câu 4: Đặc điểm của giới Khởi sinh là

- A. Đơn bào, nhân sơ, kích thước nhỏ, sinh sản nhanh, phương thức sống đa dạng
- B. Đơn bào, nhân thực, kích thước nhỏ, sống dị dưỡng
- C. Nhân sơ, kích thước nhỏ, sống dị dưỡng
- D. Nhân thực, đơn bào, sinh sản nhanh, sống tự dưỡng

Câu 5: Trong hệ thống phân loại 5 giới, vi khuẩn thuộc

- A. Giới Nấm
- B. Giới Động vật
- C. Giới Nguyên sinh
- D. Giới Khởi sinh

Câu 6: Nhận định nào sau đây không đúng về giới Động vật?

- A. Giới Động vật không có khả năng quang hợp nên sống nhờ chất hữu cơ sẵn có của cơ thể khác
- B. Giới Động vật thường có hệ thần kinh phát triển nên thích ứng cao với đời sống
- C. Giới Động vật có khả năng vận động nên có khu phân bố rộng
- D. Giới Động vật có số lượng loài nhiều hơn giới Thực vật

Câu 7: Câu có nội dung đúng:

- A. Chỉ có thực vật mới có khả năng tự dưỡng quang hợp
- B. Giới động vật chủ yếu là cơ thể đa bào, 1 số có thể là đơn bào
- C. Vi khuẩn không có kiểu dinh dưỡng cộng sinh
- D. Chỉ có động vật sống theo lối dị dưỡng

Câu 8: Cho các đặc điểm sau:

- (1) Tế bào nhân thực
- (2) Phần lớn thành tế bào bằng xenlulozo
- (3) Sống tự dưỡng
- (4) Cơ thể đơn bào hoặc đa bào
- (5) Không có lục lạp, không di động được

Trong các đặc điểm trên, có mấy đặc điểm không phải của giới Nấm?

- A. 1 B. 3 C. 2 D. 4

Câu 9: Các đặc điểm: đa bào, nhân thực, có khả năng quang hợp tự dưỡng, phần lớn sống cố định là đặc điểm chủ yếu của giới nào?

- A. Giới Nấm B. Giới Nguyên sinh
C. Giới Động vật D. Giới Thực vật

Câu 10: Giới Nguyên sinh được chia ra 3 nhóm là:

- A. Động vật nguyên sinh, thực vật nguyên sinh (tảo), nấm nhầy
B. Virut, tảo, động vật nguyên sinh
C. Vi khuẩn, động vật nguyên sinh, thực vật nguyên sinh
D. Virut, vi khuẩn, nấm nhầy

Câu 11: Các cấp tổ chức cơ bản của thế giới sống bao gồm:

1. quần xã 2. quần thể 3. cơ thể 4. hệ sinh thái 5. tế bào

Các cấp tổ chức đó theo trình tự từ nhỏ đến lớn là:

- A. 5→3→2→4→1 B. 5→2→3→1→4
C. 5→3→2→1→4 D. 5→2→3→4→1

Câu 12: Bốn nguyên tố chính cấu tạo nên chất sống là:

- A. C, H, O, P B. C, H, O, N
C. O, P, C, N D. H, O, N, P

Câu 13: Nguyên tố nào sau đây là nguyên tố vi lượng?

- A. Sắt B. Photpho C. Lưu huỳnh D. Canxi

Câu 14: Nước là dung môi hoà tan nhiều chất trong cơ thể sống vì chúng có

- A. nhiệt dung riêng cao B. tính phân cực
C. nhiệt bay hơi cao D. lực gắn kết

Câu 15: Cacbohidrat là tên gọi dùng để chỉ nhóm chất nào sau đây?

- A. Đạm B. Đường C. Chất hữu cơ D. Mỡ

Câu 16: Chất nào dưới đây thuộc loại đường pôlisaccarit

- A. Disaccarit B. Tinh bột C. Hêxôzơ D. Mantôzơ

Câu 17: Đơn phân của prôtêin là:

- A. axit amin B. axit béo C. nuclêôtit D. glucôzơ

Câu 18: Cấu trúc của phân tử prôtêin bị biến tính bởi:

- A. Sự có mặt của khí CO₂ B. Sự có mặt của khí oxi

- C. Liên kết phân cực của các phân tử nước D. Nhiệt độ

Câu 19: Loại liên kết hoá học chủ yếu giữa các đơn phân trong phân tử prôtêin là:

- A. Liên kết peptit B. Liên kết hoá trị

- C. Liên kết hidrô D. Liên kết este

Câu 20: Các thành phần cấu tạo của mỗi nuclêôtit là:

- A. Đường, Axit và Prôtêin

- B. Đường, Bazơ nitơ và Axit

- C. Axit, Prôtêin và Lipit

- D. Lipit, Đường và Prôtêin

2. Đề thi giữa học kì 1 Sinh 10

2.1. Đề thi giữa học kì 1 môn Sinh học 10 - Số 1

TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: SINH HỌC 10

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1. Các nhà khoa học khi tìm kiếm sự sống trên các hành tinh khác đều tìm kiếm sự có mặt của nước vì lý do nào sau đây?

- A. Nước là dung môi cho mọi phản ứng sinh hóa trong tế bào
- B. Nước đảm bảo cho tế bào và cơ thể có nhiệt độ ổn định
- C. Nước là thành phần chủ yếu tham gia vào cấu trúc tế bào
- D. Nước được cấu tạo từ các nguyên tố đa lượng

Câu 2. lông và roi có chức năng là

- A. Roi, lông đều giúp tế bào di chuyển
- B. Roi di chuyển, lông bám trên bề mặt tế bào chủ.
- C. Lông di chuyển, roi bám trên bề mặt
- D. Lông có tính kháng nguyên.

Câu 3. Màng sinh chất của tế bào ở sinh vật nhân thực được cấu tạo bởi

- A. Các phân tử prôtêin và phôtpholipit.
- B. Các phân tử phôtpholipit và axitnuclêic.
- C. Các phân tử prôtêin.
- D. Các phân tử prôtêin và axitnuclêic.

Câu 4. Cho các ý sau đây:

- (1) Có chứa hệ enzym làm nhiệm vụ tổng hợp lipit
- (2) Có cấu tạo tương tự như cấu tạo của màng tế bào
- (3) Là một hệ thống ống và xoang dẹp phân nhánh thông với nhau
- (4) Phân chia tế bào chất thành các xoang nhỏ (tạo ra sự xoang hóa)
- (5) Có chứa hệ enzym làm nhiệm vụ tổng hợp protein

Trong các ý trên có mấy ý là đặc điểm chung của mạng lưới nội chất trơn và mạng lưới nội chất hạt?

- A. 2
- B. 3

C. 4

D. 5

Câu 5. Tế bào vi khuẩn có kích nhỏ và cấu tạo đơn giản giúp chúng

A. xâm nhập dễ dàng vào tế bào vật chủ.

B. có tỷ lệ S/V lớn, trao đổi chất với môi trường nhanh, tế bào sinh sản nhanh hơn tế bào có kích thước lớn.

C. tránh được sự tiêu diệt của kẻ thù vì khó phát hiện.

D. có tỷ lệ S/V nhỏ, trao đổi chất với môi trường nhanh, tế bào sinh sản nhanh hơn tế bào có kích thước lớn.

Câu 6. Một gen ở sinh vật nhân thực có 3000 nuclêôtit và có 900 nuclêôtit loại G. Mạch 1 của gen có số nuclêôtit loại A là 350 và số nuclêôtit loại G là 150. Số nuclêôtit mỗi loại ở mạch 2 của gen này là

A. $A_2 = 250$; $T_2 = 350$; $G_2 = 750$; $X_2 = 150$.

B. $A_2 = 750$; $T_2 = 350$; $G_2 = 250$; $X_2 = 150$.

C. $A_2 = 150$; $T_2 = 250$; $G_2 = 750$; $X_2 = 350$.

D. $A_2 = 350$; $T_2 = 250$; $G_2 = 150$; $X_2 = 750$.

Câu 7. Vi khuẩn thuộc giới nào sau đây?

A. Giới Nguyên sinh

B. Giới Khởi sinh

C. Giới Thực vật

D. Giới Động vật.

Câu 8. Cho các phát biểu sau:

(1) Có màng kép trơn nhẵn;

(2) Chất nền có chứa ADN và riboxom;

(3) Có ở tế bào thực vật;

(4) Có ở tế bào động vật và thực vật.

Có mấy đặc điểm chỉ có ở lục lạp?

Câu 17. Mỗi nuclêôtit cấu tạo gồm

- A. 3 thành phần là: đường pentôzơ, nhóm phôtphat và bazơ nito.
- B. 2 thành phần là: đường pentôzơ và bazơ nito.
- C. 3 thành phần là: đường glucôzơ, nhóm phôtphat và bazơ nito.
- D. 3 thành phần là: đường glucôzơ, 2 nhóm phôtphat và bazơ nito.

Câu 18. Hiện tượng biến tính prôtêin là hiện tượng

- A. prôtêin bị phá hủy cấu trúc và chức năng.
- B. mất chức năng sinh học của phân tử prôtêin.
- C. mất chức năng hóa học của phân tử prôtêin.
- D. phá hủy cấu trúc không gian hai chiều của prôtêin.

Câu 19. Các nguyên tố đại lượng gồm

- A. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mn
- B. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Fe.
- C. C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mg.
- D. C, H, O, K, P, K, S, Ca, Cu.

Câu 20. Cho các loại lipid sau:

(1) Estrogen. (2) Vitamine E. (3) Dầu. (4) Mỡ. (5) Phospholipid. (6) Sáp.

Lipid đơn giản gồm

- A. (1), (2), (5)
- B. (2), (3), (4).
- C. (3), (4), (6).
- D. (1), (4), (5).

ĐÁP ÁN

1.A	2.B	3.A	4.B	5.B
6.A	7.B	8.D	9.A	10.A
11.C	12.B	13.D	14.B	15.D
16.C	17.A	18.A	19.A	20.C

2.2. Đề thi giữa học kì 1 môn Sinh học 10 - Số 2

TRƯỜNG THPT LAM SƠN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: SINH HỌC 10

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1. Thành phần chính cấu tạo màng sinh chất là:

- A. photpholipit và protein
- B. cacbohidrat
- C. glicoprotein
- D. colesteron

Câu 2. Phát biểu nào dưới đây đúng khi nói về lục lạp ?

- A. Có chứa sắc tố diệp lục tạo màu xanh ở lá cây
- B. Có chứa nhiều trong các tế bào động vật
- C. Là loại bào quan nhỏ bé nhất
- D. Có thể không có trong tế bào của cây xanh

Câu 3. Trình tự sắp xếp đặc thù của các axit amin trong chuỗi pôlipeptit tạo nên prôtêin có cấu trúc

- A. bậc 1. B. bậc 2.
- C. bậc 3. D. bậc 4.

Câu 4. Cho các đặc điểm sau:

- (1) Không có màng nhân;
- (2) Không có nhiều loại bào quan;
- (3) Không có hệ thống nội màng;

- A. xenlulozo
- B. kitin
- C. peptidoglican
- D. polisaccarit

Câu 10. Các nucleotit trong hai chuỗi pôlinuclêôtit của ADN liên kết với nhau bởi liên kết

- A. hydro.
- B. peptit.
- C. cộng hóa trị
- D. Ion.

Câu 11. Các nguyên tố hóa học chủ yếu cấu tạo nên cơ thể sống là những nguyên tố nào?

- A. Ca, P, Cu, O
- B. O, H, Fe, K
- C. C, H, O, N
- D. O, H, Ni, Fe

Câu 12. Colesteron có chức năng gì trong màng sinh chất?

- A. Tạo nên các lỗ nhỏ trên màng giúp hình thành nên các kênh vận chuyển qua màng
- B. Tăng tính ổn định cho màng
- C. Tăng độ linh hoạt trong mô hình khảm động
- D. Tiếp nhận và xử lý thông tin truyền đạt vào tế bào

Câu 13. Một gen ở sinh vật nhân sơ dài 323nm và có số nuclêôtit loại T chiếm 18% tổng số nuclêôtit của gen. Theo lí thuyết, gen này có số loại G là

- A. 806
- B. 608
- C. 342
- D. 432

Câu 14. Tổ chức sống nào sau đây có cấp thấp nhất so với các tổ chức còn lại?

- A. Quần xã
- B. Cơ thể
- C. Quần thể
- D. Hệ sinh thái

Câu 15. Chức năng chính của mạng lưới nội chất trơn là :

- A. tổng hợp glucozo, acid nucleic

B. tổng hợp protein, glucozo, acid nucleic và phân hủy chất độc hại đối với cơ thể

C. tổng hợp acid nucleic

D. tổng hợp lipid, chuyển hóa đường và phân hủy chất độc hại đối với cơ thể.

Câu 16. Cho các phát biểu sau:

(1) Hệ thống enzym được đính ở lớp màng trong

(2) Chỉ có ở tế bào thực vật

(3) Cung cấp năng lượng cho tế bào

(4) Có màng kép trơn nhẵn

(5) Chất nền có chứa ADN và riboxom.

Có mấy đặc điểm chỉ có ở ti thể?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 17. Chất nào sau đây tan được trong nước?

A. Vitamin C

B. Stêrôit

C. Vitamin A

D. Phôtpholipit

Câu 18. Công thức chung của carbohydrate là

A. $(\text{CH}_2\text{O})_n$.

B. $[\text{C}(\text{HO})_2]_n$

C. $(\text{CHON})_n$

D. $(\text{CHO})_n$

Câu 19. Một gen của sinh vật nhân sơ có guanin chiếm 20% tổng số nuclêôtit của gen. Trên một mạch của gen này có 150 adenin và 120 timin. Số liên kết hiđrô của gen là:

A. 1120.

B. 1080.

C. 990.

D. 1020.

Câu 20. Hai phân tử đường đơn liên kết nhau tạo phân tử đường đôi bằng loại liên kết nào sau đây?

A. Liên kết hiđrô

B. Liên kết hoá trị

C. Liên kết peptit

D. Liên kết glicôzit

ĐÁP ÁN

1.A	2.A	3.A	4.D	5.C
6.B	7.C	8.B	9.C	10.A
11.C	12.B	13.B	14.B	15.D
16.B	17.A	18.A	19.B	20.

2.3. Đề thi giữa học kì 1 môn Sinh học 10 - Số 3**TRƯỜNG THPT NGUYỄN HIỀN****ĐỀ THI GIỮA HK1****NĂM HỌC: 2021-2022****MÔN: SINH HỌC 10****Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)****Câu 1.** Ở tế bào thực vật và tế bào nấm, bên ngoài màng sinh chất còn có?

A. Chất nền ngoại bào

B. Lông và roi

C. Thành tế bào

D. Vỏ nhầy

Câu 2. Một phân tử ADN ở vi khuẩn có tỉ lệ $(A + T)/(G + X) = 1/4$. Theo lí thuyết, tỉ lệ G của phân tử này là

A. 25%

B. 20%

C. 10%

D. 40%

Câu 3. Một gen có 1200 cặp nucleotit và số nucleotit loại G chiếm 20% tổng số nucleotit của gen. Mạch 1 của gen có 200 nucleotit loại Timin và Xitozin chiếm 15% tổng số nucleotit của mạch. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?(1) Mạch 1 của gen có $A/G = 15/26$.(2) Mạch 1 của gen có $(T + X)/(A + G) = 19/41$.

(3) Mạch 2 của gen có $A/X = 2/3$.

(4) Mạch 2 của gen có $(A + X)/(T + G) = 5/7$.

A. 4

B. 2

C. 1

D. 3

Câu 4. Cho các vị trí sau:

(1) Màng sinh chất. (2) Ribosome.

(3) Lục lạp. (4) Nhân.

(5) Tế bào chất. (6) ti thể.

Ở sinh vật nhân thực, ARN và ADN đều phân bố ở:

A. (1), (2), (5), (6)

B. (4).

C. (3), (4), (6).

D. (2), (3), (4), (5), (6).

Câu 5. Vùng nhân của tế bào vi khuẩn có đặc điểm?

A. Chứa một phân tử ADN liên kết với protein

B. Chứa một phân tử ADN dạng vòng

C. Chứa một phân tử ADN mạch thẳng, xoắn kép

D. Chứa một phân tử ADN dạng vòng liên kết với protein

Câu 6. Các thành phần cấu tạo của tế bào như sau:

(1) Ti thể. (5) Nhân con. (2) Màng nhân. (6) Màng sinh chất.

(3) Thành peptidoglican. (7) Nhân hoặc vùng nhân. (4) Ribôxôm. (8) Thành xenlulôzơ.

Có bao nhiêu thành phần có chung ở tất cả tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực?

A. 5

B. 4

C. 3

D. 2

Câu 7. Các nguyên tố hóa học có trong thành phần hóa học của phân tử ADN là

- A.** C, H, O, N, S. **B.** C, H, O, N, P.
C. C, H, N, P, Mg **D.** C, H, O, P, Na

Câu 8. Protein nào sau đây có vai trò điều hòa nồng độ các chất trong cơ thể?

- A.** Hêmoglobin có trong hồng cầu
B. Côlagen có trong da
C. Insulin có trong tuyến tụy
D. Kêratin có trong tóc

Câu 9. Loại tế bào sau đây có chứa nhiều lizôxôm nhất là :

- A.** Tế bào bạch cầu
B. Tế bào hồng cầu
C. Tế bào thần kinh
D. Tế bào cơ

Câu 10. Thành phần hoá học cấu tạo nên thành tế bào vi khuẩn

- A.** Kitin **B.** Peptidôglican
C. Xenlulôzơ **D.** Silic

Câu 11. "Đàn Vọc chà vá chân nâu ở bán đảo Sơn Trà" thuộc cấp độ tổ chức sống nào dưới đây?

- A.** Quần xã **B.** Hệ sinh thái
C. Quần thể **D.** Sinh quyển

Câu 12. Lipit là chất có đặc tính?

- A.** Có ái lực rất mạnh với nước
B. Không tan trong nước
C. Tan nhiều trong nước
D. Tan rất ít trong nước

Câu 13. Các ngành của giới thực vật là

- A. tảo, quyết, hạt trần, hạt kín.
- B. rêu, tảo, hạt trần, hạt kín.
- C. nấm, quyết, hạt trần, hạt kín.
- D. rêu, quyết, hạt trần, hạt kín.

Câu 14. Khi cây trồng thiếu kali sẽ dẫn tới

- A. tốc độ hút O_2 bị giảm thay đổi hoạt tính enzym trong hô hấp, các hợp chất photpho hữu cơ và polisacarit bị phân giải, ngưng trệ tổng hợp protein và các nucleotit tự do.
- B. giảm năng suất quang hợp, trước hết giảm tốc độ dùng chất đồng hoá từ lá.
- C. ức chế quá trình tạo các hợp chất photpho hữu cơ gây hiện tượng tăng lượng monosacarit, ức chế sinh tổng hợp polisacarit, hoạt động của bộ máy tổng hợp protein kém hiệu quả, Riboxoom bị phân giải, sự hõnh thành lục lạp bị hư hại.
- D. hiện tượng ở đầu lá và mép lá bị hoá trắng sau đó hoá đen, phiến lá bị uốn cong rồi xoắn lại.

Câu 15. Xenlulozo và tinh bột đều là đường đa cấu tạo bởi đơn phân là glucozo, tuy nhiên, enzyme xenlulaza chỉ xúc tác phản ứng phân hủy xenlulozo mà không phân giải được tinh bột. Nguyên nhân là do

- A. liên kết giữa các đơn phân trong tinh bột bền vững hơn trong xenlulozo.
- B. tinh bột có kích thước quá lớn so với xenlulaza.
- C. trung tâm hoạt động của xenlulaza chỉ tương thích với xenlulozo.
- D. tinh bột chỉ có thể bị phân hủy bởi các xúc tác vô cơ.

Câu 16. Trong cơ thể người, tế bào nào có lưới nội chất trơn phát triển nhất?

- A. Hồng cầu.
- B. Gan
- C. Bạch cầu.
- D. Thần kinh.

Câu 17. Đem loại bỏ thành tế bào của các loại vi khuẩn có hình dạng khác nhau, sau đó cho các tế bào trần này vào dung dịch có nồng độ các chất tan bằng nồng độ các chất tan có trong tế bào thì các tế bào trần này sẽ có hình gì?

- A. Hình bầu dục

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: SINH HỌC 10

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1. Nhóm phân tử đường nào sau đây là đường đơn?

- A. Fructôzơ, galactôzơ, glucôzơ
- B. Tinh bột, xenlulôzơ, kitin.
- C. Galactôzơ, lactôzơ, tinh bột.
- D. Glucôzơ, saccarôzơ, xenlulôzơ.

Câu 2. Các bào quan nào dưới đây của tế bào nhân thực chỉ có 1 lớp màng bao bọc?

- (1) ti thể
- (2) lục lạp
- (3) lizoxom
- (4) bộ máy Golgi
- (5) lưới nội chất
- (6) riboxom

Tổ hợp lựa chọn đúng là:

- A. (1), (2), (4), (5), (6).
- B. (3), (4), (5), (6).
- C. (3), (4), (5).
- D. (1), (2), (3), (6).

Câu 3. Trong cơ thể người, loại tế bào nào có nhiều ti thể nhất?

- A. Tế bào hồng cầu
- B. Tế bào bạch cầu
- C. Tế bào gan
- D. Tế bào cơ tim

Câu 4. Một mạch của phân tử ADN (gen) xoắn kép có X = 350, G = 550, A = 200, T = 400. Gen trên có

- A. 75 chu kì xoắn

- B. tỷ lệ A/G là 2/5
- C. 3600 liên kết hydro
- D. hiệu dài là 510 nm

Câu 5. Bộ máy Gôngi không có chức năng

- A. gắn thêm đường vào prôtêin.
- B. bao gói các sản phẩm tiết.
- C. tổng hợp lipit
- D. tạo ra glycolipit

Câu 6. Trên một mạch của một gene có 20%T, 22%X, 28%A. Tỷ lệ mỗi loại nu của gene là:

- A. A=T=24%, G=X=26%
- B. A=T=24%, G=X=76%
- C. A=T=48%, G=X=52%
- D. A=T=42%, G=X=58%

Câu 7. Nước là dung môi hoà tan nhiều chất trong cơ thể sống vì chúng có

- A. Nhiệt bay hơi cao
- B. Tính phân cực.
- C. Lực gắn kết.
- D. Nhiệt dung riêng cao.

Câu 8. Nhận định nào dưới đây về màng sinh chất của tế bào thực vật là ĐÚNG?

- A. Màng sinh chất có tác dụng bảo vệ và quy định hình dạng tế bào.
- B. Màng sinh chất tăng cường tính ổn định bởi glucose xen kẽ trong màng.
- C. Màng sinh chất cấu tạo chủ yếu bởi photpholipid kép và protein.
- D. Màng sinh chất có tính thấm chọn lọc, chỉ cho nước di chuyển qua màng.

Câu 9. Cấu tạo chung của tế bào nhân sơ bao gồm 3 thành phần chính là

- A. thành tế bào, màng sinh chất, nhân
- B. thành tế bào, tế bào chất, nhân.
- C. màng sinh chất, thành tế bào, vùng nhân
- D. màng sinh chất, tế bào chất, vùng nhân.

Câu 10. Đơn phân của ADN là:

- A. các axit amin
- B. các nuclêôtit
- C. đường đơn
- D. axit béo

Câu 11. Giới nguyên sinh bao gồm

- A. tảo, nấm, động vật nguyên sinh
- B. vi sinh vật, động vật nguyên sinh.
- C. tảo, nấm nhày, động vật nguyên sinh.
- D. vi sinh vật, tảo, nấm, động vật nguyên sinh.

Câu 12. Cấp tổ chức nào sau đây **không** phải là cấp tổ chức sống cơ bản của thế giới sống?

- A. Cơ thể
- B. Quần xã
- C. Hệ cơ quan
- D. Hệ sinh thái

Câu 13. Tính phân cực của nước là do?

- A. Đôi electron trong mỗi liên kết O - H bị kéo lệch về phía ôxi.
- B. Đôi electron trong mỗi liên kết O - H bị kéo lệch về phía hidro.
- C. Xu hướng các phân tử nước.
- D. Khối lượng phân tử của ôxi lớn hơn khối lượng phân tử của hidro.

Câu 14. Đặc điểm phân biệt giữa lưới nội chất trơn và lưới nội chất hạt là

- A. lưới nội chất hạt nổi thông với khoang giữa của màng nhân và lưới nội chất không hạt nổi thông với màng tế bào.
- B. lưới nội chất hạt có hạt ribôxôm bám ở mặt ngoài còn lưới nội chất trơn thì không có hạt ribôxôm.
- C. lưới nội chất trơn có enzym tham gia vào tổng hợp lipit còn lưới nội chất hạt tổng hợp prôtêin.
- D. lưới nội chất trơn không có prôtêin và lưới nội chất hạt có prôtêin.

Câu 15. Đơn phân của prôtêin là

- A. nuclêôtit
- B. glucôzơ
- C. axit amin
- D. axit béo

Câu 16. Khi nhuộm bằng phương pháp nhuộm Gram, vi khuẩn Gram dương có màu tím, vi khuẩn Gram âm có màu đỏ. Biết được sự khác biệt này chúng ta có thể sử dụng

- A. phân loại các loại vi khuẩn vào các bậc phân loại khác nhau.
- B. để sản xuất vaccin.
- C. các loại thuốc kháng sinh đặc hiệu để tiêu diệt từng loại vi khuẩn gây bệnh.
- D. các loại môi trường nuôi cấy phù hợp với từng loại vi khuẩn.

Câu 17. Một phân tử ADN ở vi khuẩn có tỉ lệ $A+T+X=23$

. Theo lí thuyết, tỉ lệ nuclêôtit loại G của phân tử này là

- A. 30%
- B. 15%
- C. 20%
- D. 60%

Câu 18. Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về vi khuẩn?

- A. Dạng sống chưa có cấu tạo tế bào
- B. Cơ thể đơn bào, tế bào nhân sơ.
- C. Bao bên ngoài màng sinh chất có lớp vỏ nhầy.
- D. Trong tế bào chất có chứa ribôxôm.

Câu 19. Mô cơ và mô gan của chúng ta chứa loại đường đa nào?

- A. Glicogen B. Glucozo
C. Tinh bột D. Kitin

Câu 20. Cho các hiện tượng sau:

- (1) Lòng trắng trứng đông lại sau khi luộc
(2) Thịt cua vón cục và nổi lên từng mảng khi đun nước lọc cua
(3) Sợi tóc duỗi thẳng khi được ép mỏng
(4) Sữa tươi để lâu ngày bị vón cục

Có bao nhiêu hiện tượng thể hiện sự biến tính của protein?

- A. 3 B. 1
C. 4 D. 2

ĐÁP ÁN

1.A	2.C	3.D	4.D	5.C
6.A	7.B	8.C	9.D	10.B
11.C	12.C	13.A	14.B	15.C
16.C	17.A	18.A	19.A	20.C

2.5. Đề thi giữa học kì 1 môn Sinh học 10 - Số 5

TRƯỜNG THPT ĐỒNG ĐẬU

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: SINH HỌC 10

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1. Các tế bào trong cùng cơ thể nhận diện được nhau là nhờ thành phần nào của màng sinh chất?

- A. photpholipid
B. glicoprotein
C. cacbohydrat

D. cholesterol

Câu 2. Chất nào sau đây không phải là steroid?

A. Cholesterol **B.** Testosterol

C. Vitamin **D.** Sáp

Câu 3. Trong các loài sau đây, loài nào có hình thức dinh dưỡng là tự dưỡng?

A. E.coli **B.** Châu chấu

C. Lúa **D.** Nấm sò

Câu 4. Ribôxôm khu trú trong bào quan nào nhiều nhất?

A. Lưới nội chất trơn.

B. Ti thể.

C. Lưới nội chất hạt.

D. Lục lạp.

Câu 5. Cấu trúc không gian bậc 2 của protein được duy trì bởi:

A. Liên kết ion

B. Các liên kết cộng hóa trị

C. Các cầu nối đisulfua

D. Các liên kết hidro

Câu 6. Cho đoạn ADN có 150 chu kì xoắn (C), tổng số nuclêôtit (N) của đoạn ADN là

A. 1500 Nu **B.** 3000 Nucleotit

C. 2400 Nu. **D.** 3600 Nu

Câu 7. Ở tế bào động vật, bên ngoài màng sinh chất có cấu trúc được tạo thành từ

A. xenlulo **B.** glicoprotein

C. kitin **D.** peptidoglican

Câu 8. Những chất nào sau đây thuộc loại đại phân tử?

- A. Đường đa, Lipit, axit amin
- B. Đường đa, Lipit, Prôtêin và Axit nuclêic
- C. Fructozơ, Prôtêin và Axitnuclêic
- D. Glucôzơ, Prôtêin và Axitnuclêic

Câu 9. Protein có tính đa dạng cao nhất. Nguyên nhân là vì:

- (1) Cấu trúc đa phân và có nhiều loại đơn phân.
- (2) Cấu tạo từ 1 hoặc nhiều chuỗi polipeptit.
- (3) Cấu trúc không gian nhiều bậc.
- (4) Nhiều chức năng quan trọng đối với cơ thể.

Số phương án đúng là:

- A. 1
- B. 2
- C. 4
- D. 3

Câu 10. Phát biểu nào sau đây có nội dung đúng?

- A. Mỡ chứa axit béo no.
- B. Dầu hoà tan trong nước.
- C. Mỡ chứa 2 phân tử axit béo không no.
- D. Dầu có chứa 2 phân tử glixêrol.

Câu 11. Trong cấu trúc của phân tử ARN, có mấy loại đơn phân?

- A. 2
- B. 4
- C. 1
- D. 3

Câu 12. Điểm giống nhau lục lạp và ti thể là

- A. hai màng đều nhẵn
- B. có màng kép.
- C. màng ngoài nhẵn, màng trong gấp nếp

D. đều chuyển hóa quang năng.

Câu 13. Thành tế bào vi khuẩn được cấu tạo chủ yếu từ

- A. Kitin B. Peptidoglican
C. Xenlulôzo D. Cacbohidrat

Câu 14. Xét các đặc điểm sau của lưới nội chất:

1. Hệ thống ống và xoang dẹp thông với nhau.
2. Được cấu tạo từ màng giống màng tế bào.
3. Có chứa các hạt ribôxôm.
4. Làm nhiệm vụ khử độc, tổng hợp pôlisaccarit.

Số đặc điểm có ở lưới nội chất hạt là

- A. 1 B. 4
C. 3 D. 2

Câu 15. Một gen có chiều dài 408nm và số nuclêôtit loại A chiếm 20% tổng số nuclêôtit của gen. Trên mạch 1 của gen có 200T và số nuclêôtit loại G chiếm 15% tổng số nuclêôtit của mạch, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Tỷ lệ $G_1A_1=914$

II. Tỷ lệ $G_1+T_1A_1+X_1=2357$

III. Tỷ lệ $T_1X_1=32$

IV. Tỷ lệ $T+G_A+X=1$

- A. 2 B. 1
C. 3 D. 4

Câu 16. Xét một đoạn ADN chứa 2 gen. Gen thứ nhất có tỉ lệ từng loại nucleotide trên mạch đơn thứ nhất là: A: T: G: X = 1: 2: 3: 4. Gen thứ hai có số lượng nucleotide từng loại trên mạch đơn thứ hai là: $A = T/2 = G/3 = X/4$. Đoạn ADN này có tỉ lệ từng loại nucleotide là bao nhiêu?

A. $A = T = 15\%$; $G = X = 35\%$.

B. $A = T = 45\%$; $G = X = 55\%$.

C. $G = X = 15\%$; $A = T = 35\%$.

D. $G = X = 55\%$; $A = T = 45\%$.

Câu 17. Cho các ý sau:

- (1) Các nguyên tố trong tế bào tồn tại dưới 2 dạng: anion và cation.
- (2) Cacbon là các nguyên tố đặc biệt quan trọng cấu trúc nên các đại phân tử hữu cơ.
- (3) Có 2 loại nguyên tố: nguyên tố đại lượng và nguyên tố vi lượng.
- (4) Các nguyên tố chỉ tham gia cấu tạo nên các đại phân tử sinh học.
- (5) Có khoảng 25 nguyên tố cấu tạo nên cơ thể sống.

Trong các ý trên, có mấy ý đúng về nguyên tố hóa học cấu tạo nên cơ thể sống?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 18. Cho các ý sau?

- (1) Kích thước nhỏ
- (2) các bào quan có màng bao bọc
- (3) Không có hệ thống nội màng
- (4) Thành tế bào bằng peptidoglycan
- (5) Nhân có màng bao bọc
- (6) Tế bào chất có chứa plasmit

Trong các ý trên những ý nào là đặc điểm của các tế bào vi khuẩn?

A. (2), (3), (4), (5), (6)

B. (1), (3), (4), (6)

C. (1), (2), (3), (4), (6)

D. (1), (2), (3), (4), (5)

Câu 19. Gọi là tế bào nhân sơ vì

- A. chưa có màng bao bọc khối vật chất di truyền
- B. không có vật chất di truyền trong khối tế bào chất
- C. chưa có màng bao bọc khối tế bào chất
- D. không có hệ thống nội màng và các bào quan có màng

Câu 20. Đọc thông tin dưới đây:

"Về quần thể thực vật mà cụ thể là rừng nhiệt đới thì những cây ưa ánh sáng sẽ phát triển ở tầng trên cùng (thân cao to, tán lá rộng để có thể hấp thụ lượng ánh sáng tối đa), tiếp theo là tầng thân gỗ ưa sáng ở mức độ trung bình sẽ phát triển phía dưới tầng thân gỗ ưa sáng. tiếp nữa là tầng cây thân leo, cây ưa bóng râm, thân thảo sẽ phát triển ở gần sát mặt đất. Đây là ví dụ về sự phân tầng của thực vật trong rừng nhiệt đới"

Ví dụ trên thể hiện đặc điểm nào của thế giới sống?

- A. Thế giới sống liên tục tiến hóa
- B. Hệ thống tự điều chỉnh
- C. Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc
- D. Hệ thống mở

ĐÁP ÁN

1.B	2.D	3.C	4.C	5.D
6.B	7.B	8.B	9.D	10.A
11.B	12.B	13.B	14.C	15.A
16.A	17.C	18.B	19.A	20.B

2.6. Đề thi giữa học kì 1 môn Sinh học 10 - Số 6

TRƯỜNG THPT HỒ THỊ KỶ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: SINH HỌC 10

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cacbonhidrat là hợp chất hữu cơ được cấu tạo từ các nguyên tố sau

- A. H, O, N B. C, H, N C. C, H, O D. C, O, N

Câu 2. Tại sao hàng ngày ta phải ăn nhiều Protein từ nhiều loại thực phẩm khác nhau?

- A. Để đảm bảo cung cấp đủ các loại axitamin khác nhau
B. Để đảm bảo cung cấp đủ các loại đường khác nhau
C. Để đảm bảo cung cấp đủ các loại axit béo khác nhau
D. Để đảm bảo cung cấp đủ các Nucleotit tự do khác nhau

Câu 3. Muốn xác định nhân thân, hai người có cùng huyết thống thì người ta làm gì?

- A. Xác định trình tự axit amin trong protein
B. Đếm số lượng axitamin trong protein
C. Xác định trình tự Nu trong ADN
D. Đếm số Nu trong ADN của mỗi người

Câu 4. Khi ta đun sôi nước lọc cua thì thấy thịt cua đông lại thành từng mảng. Hiện tượng này gọi là

- A. Hiện tượng biến đổi C. hiện tượng đột biến
B. Hiện tượng biến tính D. hiện tượng biến dị

Câu 5. Một đơn phân của ADN được cấu tạo từ các thành phần

- A. Đường $C_5H_{10}O_5$, Axit photphoric, Basenito loại A, T, G, X
B. Đường $C_5H_{10}O_5$, Axit photphoric, Basenito loại A, U, G, X
C. Đường $C_5H_{10}O_4$, Axit photphoric, Basenito loại A, T, G, X
D. Đường $C_5H_{10}O_4$, Axit photphoric, Basenito loại A, U, G, X

Câu 6. Trong sinh giới, các sinh vật được phân chia thành các giới theo thứ tự như sau

- A. Khởi sinh, nguyên sinh, nấm, thực vật, động vật
B. Nguyên sinh, khởi sinh, động vật, nấm, thực vật

C. Nấm, thực vật, động vật, khởi sinh, nguyên sinh

D. Động vật, thực vật, nấm, khởi sinh, nguyên sinh

Câu 7. Cấu tạo cơ thể đơn bào, nhân sơ, dinh dưỡng kiểu cộng sinh, kí sinh hoặc hoại sinh là đặc điểm của giới nào sau đây?

A. Nguyên sinh

B. Động vật

C. Khởi sinh

D. Thực vật

Câu 8. Chuỗi polipeptit dạng mạch thẳng liên tục cuộn xoắn hai lần sẽ tạo ra phân tử Protein cấu trúc bậc mấy?

A. Bậc bốn

B. Bậc ba

C. Bậc hai

D. Bậc một

Câu 9. Cho các đặc điểm sau: (1) sống tự dưỡng; (2) Trong tế bào có chất diệp lục; (3) di chuyển nhanh, (4) Phản ứng chậm với kích thích, (5) Sống cố định, (6) lấy thức ăn từ môi trường. Đặc điểm của giới thực vật là

A. (1), (2), (4), (6)

C. (2), (3), (4), (6)

B. (1), (2), (4), (5)

D. (2), (3), (4), (5)

Câu 10. Cho các dấu hiệu sau (1) chỉ có ở tổ chức sống cấp cao hơn, (2) tổ chức sống cấp dưới không có được, (3) được hình thành do sự tương tác của các bộ phận cấu thành. Đây là nội dung của đặc điểm nào trong thế giới sống?

A. Một hệ thống mở

C. Nguyên tắc thứ bậc

B. Đặc điểm nổi trội

D. Khả năng tự điều chỉnh

Câu 11. Trong phân tử ADN, số nucleotit loại A luôn bằng loại T và G luôn bằng X. Khi tính tổng số Nu trong phân tử ADN (N) thì ta sử dụng công thức nào sau đây?

A. $N = 2A + 3G$

C. $N = 2A + 2G$

B. $H = 2A + 2G$

D. $H = 2A + 3G$

Câu 12. Nguyên tố nào sau đây không thuộc nhóm nguyên tố đa lượng ?

A. Iot

B. Cacbon

C. Lưu huỳnh

D. Photpho

Câu 13. Tại sao khi được sấy khô thì thực phẩm được bảo quản lâu hơn?

A. Một số chất độc bị bốc hơi gần hết.

B. Tính phân cực của phân tử nước bị mất.

C. Các chất hữu cơ gắn thành một khối bền chắc.

D. Hạn chế sự sinh sản của vi khuẩn và nấm

Câu 14. Các cấp tổ chức cơ bản của thế giới sống bao gồm tế bào, ... (1)..., ... (2)..., quần xã, hệ sinh thái và sinh quyển. (1) và (2) lần lượt là?

A. (1) cơ thể, (2) hệ cơ quan C. (1) mô, (2) quần thể

B. (1) phân tử, (2) bào quan D. (1) cơ thể, (2) quần thể

Câu 15. Vai trò chủ yếu của nước trong tế bào là?

A. Tham gia hoạt hóa enzym C. Tham gia duy trì sự sống

B. Tham gia các phân tử hữu cơ D. Tham gia chuyển hóa vitamin

Câu 16. các hợp chất nào sau đây chủ yếu được cấu tạo từ hai phân tử đường đơn?

A. Fructozo, Glucozo, Galactozo C. Fructozo, Saccarozo, Galactozo

B. Mantozo, Glucozo, Lactozo D. Mantozo, Saccarozo, Lactozo

II: TỰ LUẬN

Câu 1: Trình bày cấu tạo và phân loại Cacbohydrat? Mỗi loại cho ví dụ kèm theo?

Câu 2: Cho biết tế bào thực vật khác với tế bào động vật ở những điểm cơ bản nào?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5	6	7	8
C	A	C	B	A	A	A	B
9	10	11	12	13	14	15	16
B	C	B	A	D	D	C	C

II. TỰ LUẬN

Câu hỏi	Đáp án
Câu 1: Trình bày đặc điểm chung của tế bào nhân sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước nhỏ 1 – 5 micromet - Chưa có nhân hoàn chỉnh - Tế bào chất không có hệ thống nội màng, không có bào quan có

	màng bao bọc
Câu 2: Trình bày đặc điểm cấu tạo và chức năng của màng sinh chất ở tế bào nhân thực	Cấu tạo: gồm lớp kép phospholipits và protein, ngoài ra còn có các gai glycoprotein (dấu chuẩn) và một số yếu tố khác
	Chức năng: bảo vệ các bào quan bên trong tế bào
	Thực hiện trao đổi chất giữa tế bào với môi trường

2.7. Đề thi giữa học kì 1 môn Sinh học 10 - Số 7

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: SINH HỌC 10

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Đơn vị tổ chức cơ bản cấu tạo nên mọi cơ thể sinh vật là

- A. Các đại phân tử hữu cơ B. Tế bào C. Mô D. Cơ quan

Câu 2: Đơn phân của Cacbohydrat là:

- A. Glucozơ, fructozơ, saccarozơ C. Saccarozơ, fructozơ, galactozơ
B. Glucozơ, fructozơ, galactozơ D. Saccarozơ, xenlulozơ, glucozơ

Câu 3: Một đoạn phân tử ADN có số cặp nucleotit loại A – T là 33 cặp và số cặp G – X là 25 cặp. Hỏi số liên kết hydro trên đoạn phân tử ADN này là bao nhiêu?

- A. 129 B. 249 C. 149 D. 141

Câu 4: Đặc tính chung của các phân tử Lipit là?

- A. Tan rất tốt trong nước, không tan trong dung môi hữu cơ
B. Tan rất tốt trong dung môi hữu cơ, không tan trong nước
C. Kị nước và tan trong dung môi hữu cơ

D. Kị nước và tan trong nước

Câu 5: Thực vật có nguồn gốc từ:

A. Vi khuẩn **B.** Nấm **C.** Tảo lục đơn bào nguyên thủy **D.** Virut

Câu 6: Khi đưa tế bào sống vào ngăn đá tủ lạnh thì hậu quả gì sẽ xảy ra?

- A.** Nước trong tế bào đóng băng và giảm thể tích
- B.** Tế bào bị co nguyên sinh chất
- C.** Nước trong tế bào đóng băng sẽ phá vỡ cấu trúc tế bào
- D.** B và C đúng

Câu 7: Vai trò của các nguyên tố vi lượng là

- A.** Thành phần chính cấu tạo nên enzym, hoocmon và một số chất quan trọng khác
- B.** Thành phần chính cấu tạo nên các đại phân tử hữu cơ
- C.** Thành phần chính cấu tạo nên các cấu trúc của tế bào
- D.** B và C đúng

Câu 8: Trong cấu trúc bậc 1 của phân tử Protein, các axit amin liên kết với nhau bằng:

- A.** Liên kết hidro **C.** Liên kết photphodiester
- B.** Liên kết peptit **D.** Liên kết ion

Câu 9: Thành phần chủ yếu của dầu thực vật là

- A.** Axit béo no và glixerol **C.** Axit amin
- B.** Axit béo không no và glixerol **D.** Axit béo và glucozơ

Câu 10: Các yếu tố dẫn đến sự biến tính của protein là

- A.** Nhiệt độ, độ pH **C.** Nồng độ O₂, độ pH
- B.** Nồng độ CO₂, nhiệt độ **D.** Nồng độ CO₂, và O₂

B. TỰ LUẬN:

Câu 1: Nêu những giống và điểm khác nhau cơ bản về cấu trúc và chức năng của ADN và ARN?

Câu 2:

- a. Tại sao nói các nguyên tố đại lượng và vi lượng đều có vai trò quan trọng như nhau trong cơ thể sống?
- b. Nêu vai trò của cacbohidrat đối với cơ thể sống?

ĐÁP ÁN**A. Trắc nghiệm**

1. B	3. D	5. C	7. A	9. B
2. B	4. C	6. C	8. B	10. A

B. Tự luận**Câu 1:***** Giống nhau**

- Đều là axit nucleic (các đại phân tử có khối lượng và kích thước lớn)
- Đều được cấu tạo từ các đơn phân: nucleotit
- Đều có các liên kết photphodiester
- Đều tham gia vào quá trình sinh tổng hợp protein

*** Khác nhau**

Tiêu chí	ADN	ARN
Cấu trúc	<ul style="list-style-type: none"> - 2 mạch - 4 loại đơn phân: A, T, G, X - 1 nu gồm 3 TP: <ul style="list-style-type: none"> + Đường đêoxiribo ($C_5H_{10}O_4$) + Nhóm photphat + 1 trong 4 loại bazơ nitơ: A(T, G, X) - Có 2 loại liên kết hóa học: liên kết photphodiester và liên kết hidro 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 mạch - 4 loại đơn phân: A, U, G, X - 1 nu gồm 3 TP: <ul style="list-style-type: none"> + Đường ribo ($C_5H_{10}O_5$) + Nhóm photphat + 1 trong 4 loại bazơ nitơ: A(U, G, X) - Chủ yếu 1 loại liên kết hóa học: liên kết

		phot phodieste - Gồm 3 loại: mARN, tARN, rARN
Chức năng	Mang, bảo quản và truyền đạt thông tin di truyền	Mỗi loại ARN thực hiện 1 chức năng + mARN làm nhiệm vụ truyền thông tin từ ADN tới RBX và dùng làm khuôn để tổng hợp protein + tARN vận chuyển aa tới RBX và tham gia dịch mã tổng hợp protein + rARN kết hợp với protein cấu tạo nên RBX, nơi tổng hợp nên Protein

Câu 2:**a. Các nguyên tố đại lượng và vi lượng đều có vai trò quan trọng như nhau trong cơ thể sống:**

Các nguyên tố đại lượng là thành phần chính cấu tạo nên các đại phân tử và tế bào, nếu thiếu chúng sẽ làm cơ thể còi cọc, chậm phát triển. Các nguyên tố vi lượng là thành phần không thể thiếu của các enzym, hoocmon... thiếu sẽ ảnh hưởng lớn đến quá trình trao đổi chất của cơ thể.

b. Vai trò của phân tử cacbohidrat đối với cơ thể sống

- Là nguồn năng lượng chính của tế bào và cơ thể.
- Là thành phần cấu tạo nên tế bào và các bộ phận của cơ thể.

2.8. Đề thi giữa học kì 1 môn Sinh học 10 - Số 8

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: SINH HỌC 10

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

PHẦN TRẮC NGHIỆM:**Hãy chọn phương án đúng nhất trong các câu sau:****Câu 1:** Sắp xếp các đơn vị phân loại từ lớn đến nhỏ

- A. Lớp, bộ, họ, chi, ngành, giới, loài C. Giới, ngành, lớp, bộ, họ, chi, loài
B. Giới, bộ, ngành, chi, loài, họ, lớp D. Giới, ngành, bộ, họ, lớp, chi, loài

Câu 2: Sinh vật nhân thực gồm những giới nào.

- A. Giới khởi sinh, giới nguyên sinh, giới thực vật, giới động vật
B. Giới nguyên sinh, giới nấm, giới thực vật, giới động vật
C. Giới khởi sinh, giới nấm, giới động vật, giới thực vật
D. Giới thực vật, giới nấm, giới khởi sinh, giới nguyên sinh

Câu 3: Tập hợp nào thuộc giới nấm:

- A. Nấm nhày, nấm sợi, nấm mũ C. Nấm men, nấm sợi, nấm nhày
B. Nấm men, nấm sợi, địa y D. Nấm men, nấm nhày, địa y

Câu 4: Các ngành của giới thực vật?

- A. Tảo, quyết, hạt trần, hạt kín C. Rêu, tảo, hạt trần, hạt kín
B. Nấm, quyết, hạt trần, hạt kín D. Rêu, quyết, hạt trần, hạt kín

Câu 5: Các nguyên tố chủ yếu của tế bào?

- A. C, H, O, P C. C, H, O, N
B. Ca, C, O, P D. C, H, O, Ca

Câu 6: Các phân tử nước liên kết với nhau bằng liên kết:

- A. Liên kết cộng hoá trị C. Liên kết hoá trị
B. Liên kết ion D. Liên kết hiđrô

Câu 7: Những chất hữu cơ có vai trò quan trọng trong tế bào.

- A. Cacbohidrat, lipit, protein, axit nucleic
B. Cacbohidrat, lipit, axit nucleic, glicogen
C. Cacbohidrat, lipit, protein, xenlulozo
D. Cacbohidrat, axit amin, protein, axit nucleic

Câu 8: Những đường nào là đường đơn:

- A. Fructôzơ, glucôzơ, saccarôzơ, hecxôzơ
- B. Glucôzơ, galactôzơ, saccarôzơ, hecxôzơ
- C. Glucôzơ, Fructôzơ, galactôzơ, hecxôzơ
- D. Fructôzơ, galactôzơ, saccarôzơ, hecxôzơ

Câu 9: Hợp chất nào có đơn vị cấu trúc là glucôzơ?:

- A. Lactôzơ
- B. Mantôzơ
- C. Saccarôzơ
- D. Tinh bột

Câu 10: Đặc điểm cấu tạo của phân tử ADN là:

- A. Hai mạch xoắn kép, đa phân, tự nhân đôi
- B. Hai mạch xoắn kép, kích thước khối lượng lớn, tự nhân đôi
- C. Hai mạch xoắn kép, kích thước khối lượng lớn, đa phân
- D. Hai mạch xoắn kép, kích thước khối lượng lớn, tự nhân đôi, đa phân

Câu 11: Cấu tạo của một Nuclêôtit là:

- A. Axit photphoric, đường ribôzơ, bazonitric
- B. Axit photphoric, đường đêôxiribôzơ, bazonitric (A hoặc T hoặc G hoặc X)
- C. Axit photphoric, đường ribôzơ, axit amin
- D. Axit photphoric, đường đêôxiribôzơ, axit amin

Câu 12: Liên kết nối giữa 2 Nu trên hai mạch pôlinuclêôtit là:

- A. Liên kết hiđrô
- B. liên kết peptit
- C. liên kết hoá trị
- D. liên kết ion

PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1: Nêu sự khác biệt cơ bản giữa giới thực vật và giới động vật? (1 điểm)

Câu 2: Trình bày cấu tạo và chức năng của prôtêin. (2.5 điểm)

ĐÁP ÁN

PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu: 1C, 2B, 3B, 4D, 5C, 6D, 7A, 8C, 9D, 10C, 11B, 12A.

PHẦN TỰ LUẬN:**Câu 1:**

- Giới thực vật gồm những sinh vật tự dưỡng, sống cố định, cảm ứng chậm.
- Giới động vật gồm những sinh vật dị dưỡng, sống di chuyển, cảm ứng nhanh.

Câu 2:

- Cấu trúc của prôtêin:
 - + Cấu trúc bậc 1: Chính là trình tự sắp xếp đặc thù của các loại aa trong chuỗi pôlipeptit.
 - + Cấu trúc bậc 2: Chuỗi polipeptit sau khi được tổng hợp ra không tồn tại ở mạch thẳng mà chúng co xoắn lại hoặc gấp nếp tạo nên cấu trúc bậc 2
 - + Cấu trúc bậc 3 và 4: Chuỗi pôlipeptit ở dạng xoắn hoặc gấp khúc lại tiếp tục co xoắn tạo nên cấu trúc không gian 3 chiều đặc trưng gọi là cấu trúc bậc 3. khi một prôtêin được cấu tạo từ một vài chuỗi pôlipeptit thì các chuỗi pôlipeptit lại liên kết với nhau theo một cách nào đó tạo nên cấu trúc bậc 4.
- Chức năng của prôtêin:
 - + Cấu tạo nên tế bào và cơ thể.
 - + Dự trữ các aa.
 - + Vận chuyển các chất.
 - + Bảo vệ cơ thể.
 - + Thu nhận thông tin.
 - + Xúc tác cho các phản ứng hóa sinh.

2.9. Đề thi giữa học kì 1 môn Sinh học 10 - Số 9

TRƯỜNG THPT NGUYỄN CÔNG TRÚ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: SINH HỌC 10**Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)****Câu 1:** Có các cấp độ tổ chức cơ bản của thế giới sống như sau:

- (1) Cơ thể (3) quần thể (5) hệ sinh thái
(2) tế bào (4) quần xã

Các cấp độ tổ chức sống trên được sắp xếp theo đúng nguyên tắc thứ bậc là

- A. 2 → 1 → 3 → 4 → 5 C. 5 → 4 → 3 → 2 → 1
B. 1 → 2 → 3 → 4 → 5 D. 2 → 3 → 4 → 5 → 1

Câu 2: Thế giới sinh vật được phân thành các nhóm theo trình tự là:

- A. Loài → chi → họ → bộ → lớp → ngành → giới.
B. Chi → họ → bộ → lớp → ngành → giới → loài
C. Loài → chi → bộ → họ → lớp → ngành → giới.
D. Loài → chi → lớp → họ → bộ → ngành → giới.

Câu 3: Cho các ý sau:

- (1) Cơ thể phân hóa thành mô, cơ quan, hệ cơ quan
(2) Đa bào, nhân thực, sống dị dưỡng và di động được
(3) Đẻ con và nuôi con bằng sữa
(4) Có hệ thần kinh và phản ứng nhanh trước kích thích của môi trường

Trong các ý trên có mấy ý là đặc điểm của giới động vật?

- A. 1 B. 3 C. 2 D. 4

Câu 4: Bệnh nào sau đây liên quan đến sự thiếu nguyên tố vi lượng?

- A. Bệnh bướu cổ C. Bệnh cận thị
B. Bệnh còi xương D. Bệnh tự kỉ

Câu 5: Đặc tính nào sau đây của phân tử nước quy định các đặc tính còn lại?

- A. Tính liên kết C. Tính phân cực
B. Tính điều hòa nhiệt D. Tính cách li

Câu 6: Để bảo quản rau quả chúng ta không nên làm điều gì?

- A. Giữ rau quả trong ngăn đá của tủ lạnh
B. Giữ rau quả trong ngăn mát của tủ lạnh
C. Sấy khô rau quả
D. Ngâm rau quả trong nước muối hoặc nước đường.

Câu 7: Cơ thể người không tiêu hóa được loại đường nào?

- A. Lactozo B. Mantozo C. Xenlulozo D. Saccarozo

Câu 8: Loại đường nào sau đây không phải là đường 6 cacbon?

- A. Glucozo B. Fructozo C. Galactozo D. Đêôxiribozo

Câu 9: Thành phần tham gia vào cấu trúc màng sinh chất của tế bào là

- A. Phôtpholipit và protein C. Steroit và axit béo
B. Glixerol và axit béo D. Axit béo và saccarozo

Câu 10: Tính đa dạng của phân tử protein được quy định bởi

- A. Số lượng, thành phần, trình tự các axit amin trong phân tử protein
B. Nhóm amin của các axit amin trong phân tử protein
C. Số lượng liên kết peptit trong phân tử protein
D. Số chuỗi pôlipeptit trong phân tử protein

Câu 11: Cho các nhận định sau về axit nucleic. Nhận định nào đúng?

- A. Axit nucleic được cấu tạo từ 4 loại nguyên tố hóa học: C, H, O, N
B. Axit nucleic được tách chiết từ tế bào chất của tế bào
C. Axit nucleic được cấu tạo theo nguyên tắc bán bảo tồn và nguyên tắc bổ sung
D. Có 2 loại axit nucleic: axit đêôxiribonucleic (ADN) và axit ribonucleic (ARN)

Câu 12: Yếu tố quan trọng nhất tạo nên tính đặc trưng của phân tử ADN là

- A. Số lượng các nucleotit trong phân tử ADN
- B. Thành phần các nucleotit trong phân tử ADN
- C. Trình tự sắp xếp các nucleotit trong phân tử ADN
- D. Cách liên kết giữa các nucleotit trong phân tử ADN

Câu 13: Trình tự sắp xếp các nucleotit trên mạch 1 của một đoạn phân tử ADN xoắn kép là – ATTTGGGXXXGAGGX -. Tổng số liên kết hidro của đoạn ADN này là

- A. 50
- B. 40
- C. 30
- D. 20

Câu 14: Một đoạn phân tử ADN có tổng số 150 chu kì xoắn và adenin chiếm 20% tổng số nucleotit. Tổng số liên kết hidro của đoạn ADN này là

- A. 3000
- B. 3100
- C. 3600
- D. 3900

Câu 15: Trình tự các đơn phân trên mạch 1 của một đoạn ADN xoắn kép là – GATGGXAA -. Trình tự các đơn phân ở đoạn mạch kia sẽ là:

- A. – TAAXXGTT –
- B. – XTAXXGTT –
- C. – UAAXXGTT –
- D. – UAAXXGTT –

Câu 16: “Vùng xoắn kép cục bộ” là cấu trúc có trong

- A. mARN và tARN
- B. tARN và rARN
- C. mARN và rARN
- D. ADN

Câu 17: Chất nào sau đây chiếm khối lượng chủ yếu của tế bào?

- A. Protein
- B. Lipit
- C. Nước
- D. Cacbonhidrat

Câu 18: Loại đường có trong thành phần cấu tạo của ADN và ARN là?

- A. Mantozo
- B. Fructozo
- C. Hecxozo
- D. Pentozo

Câu 19: Loại đường nào sau đây không phải là đường 6 cacbon?

- A. Glucozo
- B. Fructozo
- C. Galactozo
- D. Đêôxiribozo

Câu 20: Lipit không có đặc điểm:

- A. Cấu trúc đa phân
 B. Không tan trong nước
 C. Được cấu tạo từ các nguyên tố : C, H, O
 D. Cung cấp năng lượng cho tế bào

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	A	D	A	C	A	C	D	A	A
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
D	C	B	D	B	B	C	D	D	A

2.10. Đề thi giữa học kì 1 môn Sinh học 10 - Số 10**TRƯỜNG THPT LÊ TRUNG KIÊN****ĐỀ THI GIỮA HK1****NĂM HỌC: 2021-2022****MÔN: SINH HỌC 10****Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)****Câu 1:** Đơn vị phân loại cao nhất trong sinh giới là:

- A. Ngành B. Bộ C. Giới D. Lớp

Câu 2: Khi ghép các mô, cơ quan từ người này sang người khác thì cơ thể người nhận có thể nhận biết các cơ quan lạ và đào thải cơ quan lạ đó là do cấu trúc nào sau đây của màng?

- A. Colesterôn B. Lipôprôtêin C. Phospholipit D. Glicôprôtêin

Câu 3: Chuỗi pôlipeptit xoắn lò xo hay gấp nếp lại là cấu trúc prôtêin bậc:

- A. 3 B. 1 C. 2 D. 4

Câu 4: Chức năng chủ yếu của ti thể là:

- A. Chuyển hóa năng lượng ánh sáng thành năng lượng hóa học.
 B. Cung cấp năng lượng cho tế bào ở dạng ATP
 C. Lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào.
 D. Phân hủy tế bào già, tế bào bị tổn thương.

Câu 5: Hoàn thành cấu trúc đoạn AND sau:

mạch 1: - X - A - T - G - G - X - X - T - T - A - T -

mạch 2:

A. - G - T - A - X - X - G - G - A - A - T - A -

B. - G - T - A - G - X - G - G - T - A - T - A -

C. - X - T - T - X - X - G - G - A - A - T - A -

D. - G - T - T - X - X - G - G - A - T - T - A -

Câu 6: Những nguyên tố chiếm khoảng 96% khối lượng cơ thể sống là:

A. C, N, P, O B. C, Ca, H, O C. C, H, O, N D. C, O, K, H.

Câu 7: Trong các hợp chất hữu cơ sau, hợp chất nào không được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân?

A. mARN. B. kitin. C. Prôtêin bậc 4. D. vitamin.

Câu 8: Loại prôtêin nào sau đây có chức năng vận chuyển các chất?

A. Hêmôglobin. C. Glicôprôtêin
B. Prôtêin enzym. D. Prôtêin sữa (cazein)

Câu 9: Bào quan nào dưới đây có trong tế bào vi khuẩn:

A. Ti thể B. Không bào C. Lưới nội chất. D. Ribôxôm

Câu 10: Thành phần hóa học cấu tạo nên thành tế bào vi khuẩn là:

A. Peptidôglican B. Xenlulôzơ. C. Silic D. Kitin.

Câu 11: ADN có ở đâu trong tế bào?

A. Nhân, ti thể, tế bào chất.
B. Ti thể, lục lạp, nhân hoặc vùng nhân.
C. Ti thể, lục lạp, vùng nhân.
D. Nhân, hoặc vùng nhân.

Câu 12: Đặc điểm cấu tạo cơ bản để phân biệt tế bào nhân sơ hay tế bào nhân thực là:

A. ADN mạch vòng hay mạch thẳng. B. Màng nhân.

C. Có nhiều bào quan có màng bao bọc. D. Ribôxôm lớn hay bé.

Câu 13: Cacbonhydrat gồm các loại:

- A. đường đôi, đường đơn, đường đa C. Đường đơn, đường đôi
B. đường đôi, đường đa D. đường đơn, đường đa

Câu 14: Đặc điểm nào sau đây được dùng để phân biệt giữa động vật với thực vật?

- A. Tế bào có thành bằng chất xen lulôzơ C. Khả năng tự di chuyển
B. Khả năng tự tổng hợp chất hữu cơ D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 15: Tính đa dạng của prôtêin được qui định bởi?

- A. Nhóm amin của các axit amin
B. Thành phần, số lượng và trật tự axitamin trong phân tử prôtêin
C. Liên kết peptit
D. Nhóm R của các axit amin

Câu 16: Thành phần hoá học của Ribôxôm gồm?

- A. Lipit, ADN và ARN C. ADN, ARN và nhiễm sắc thể
B. ADN, ARN và prôtêin D. Prôtêin, ARN

Câu 17: Động vật có vai trò nào sau đây ?

- A. Làm tăng lượng ô xy của không khí
B. Cung cấp thực phẩm cho con người
C. Tự tổng hợp chất hữu cơ cung cấp cho hệ sinh thái
D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 18: Một số loại vi khuẩn gây bệnh ở người, bên ngoài thành tế bào còn có lớp vỏ nhầy giúp nó:

- A. Không bị tiêu diệt bởi thuốc kháng sinh
B. Ít bị các tế bào bạch cầu tiêu diệt
C. Dễ thực hiện trao đổi chất

D. Dễ di chuyển

Câu 19: Lưới nội chất hạt và lưới nội chất trơn khác nhau ở chỗ lưới nội chất hạt:

- A.** Hình túi, còn lưới nội chất trơn hình ống
- B.** Có ri bôxôm bám ở trong màng, còn lưới nội chất trơn có ri bôxôm bám ở ngoài màng
- C.** Nối thông với khoang giữa của màng nhân, còn lưới nội chất trơn thì không
- D.** Có đính các hạt ri bô xôm, còn lưới nội chất trơn không có

Câu 20: Phần lớn các nguyên tố đa lượng cấu tạo nên:

- A.** Lipit, enzym
- B.** Prôtêin, vitamin
- C.** Glucôzơ, tinh bột, vitamin
- D.** Đại phân tử hữu cơ

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
C	D	C	B	A	C	D	A	D	A
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
B	B	A	D	B	D	B	B	D	D